

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHAN ĐĂNG LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông

Năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	841	230	222	218	171
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	740 87.99%	202 87.83%	205 92.34%	183 83.94%	150 87.72%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	84 9.09%	20 8.7%	17 7.66%	30 13.8%	17 9.94%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	17 2.02%	08 3.48%	0	05 2.29%	04 2.34%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	841	221	220	168	204
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	255 30.32%	63 27.29%	66 29.73%	46 21.1%	80 46.78%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	350 41.62%	110 47.83%	90 40.54%	89 40.83%	61 35.67%

3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	231 27.47%	55 23.91%	66 29.73%	80 36.7%	30 17.54%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.48%	02 0.87%	0	02 0.92%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	01 0.12%	0	0	1 0.46%	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	841	230	222	218	171
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	836 99.41%	228 99.13%	222 100%	215 98.62%	171 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	254 30.2%	62 27 %	66 29.7%	46 21.1%	80 46.8%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	351 41.74%	111 48.26%	90 40.54%	89 40.83%	61 35.67%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4 0.48%	02 0.87%	0	02 0.92%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	05 0.59%	02 0.86%	0	03 1,37%	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1/16	0/7	0/2	1/5	0/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp Quận	30	8	8	7	7

2	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	0	1	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	171	0	0	0	171
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	171	0	0	0	171
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	80 46.78%	0	0	0	80 46.78%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	61 35.67%	0	0	0	61 35.67%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	30 17.54%	0	0	0	30 17.54%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	445/396	129/101	113/109	122/86	71/100
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	40	14	9	7	10

Quận 8, ngày 05 tháng 9 năm 2021



Nguyễn Văn Toại

